

Số: 694 /VTVcab  
V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN  
của BCTC Công ty mẹ quý 1 năm 2022  
thay đổi từ 10% trở lên so với BCTC  
cùng kỳ năm trước

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức: Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam  
Mã chứng khoán: CAB  
Địa chỉ: Số 3/84 đường Ngọc Khánh, P.Giảng Võ, Q.Ba Đình, Hà Nội

*Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 06/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;*

*Căn cứ Quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ –SGDHN ngày 29/09/2016 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.*

Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam (VTVcab) giải trình chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính Công ty mẹ quý 1 năm 2022 của VTVcab thay đổi trên 10% so với cùng kỳ năm trước:

CHỈ TIÊU	Quý 1/2022	Quý 1/2021	Chênh lệch	
			Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ % tăng/giảm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	477.401.744.341	535.696.512.199	(58.294.767.858)	-10,88%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	225.000	(225.000)	-100,00%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	477.401.744.341	535.696.287.199	(58.294.542.858)	-10,88%
4. Giá vốn	364.342.470.560	421.466.016.205	(57.123.545.645)	-13,55%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	113.059.273.781	114.230.270.994	(1.170.997.213)	-1,03%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	99.741.569	29.273.343	70.468.226	240,72%
7. Chi phí tài chính	6.757.093.901	9.290.393.861	(2.533.299.960)	-27,27%

- Trong đó: Chi phí lãi vay	3.264.041.426	4.526.447.998	(1.262.406.572)	-27,89%
8. Chi phí bán hàng	23.898.965.725	21.464.785.963	2.434.179.762	11,34%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	60.644.319.933	55.490.023.580	5.154.296.353	9,29%
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>21.858.635.791</b>	<b>28.014.340.933</b>	<b>(6.155.705.142)</b>	<b>-21,97%</b>
11. Thu nhập khác	4.768.131	452.618.614	(447.850.483)	-98,95%
12. Chi phí khác	344	7.141.915	(7.141.571)	-100,00%
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>4.767.787</b>	<b>445.476.699</b>	<b>(440.708.912)</b>	<b>-98,93%</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>21.863.403.578</b>	<b>28.459.817.632</b>	<b>(6.596.414.054)</b>	<b>-23,18%</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.250.909.983	5.578.212.881	(1.327.302.898)	-23,79%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	113.081.868	115.324.970	(2.243.102)	-1,95%
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)</b>	<b>17.499.411.727</b>	<b>22.766.279.781</b>	<b>(5.266.868.054)</b>	<b>-23,13%</b>

Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính Công ty mẹ quý 1 năm 2022 của VTVcab giảm 23,13% so với Báo cáo tài chính Công ty mẹ quý 1 năm 2021 của Công ty. Nguyên nhân chính là do trong quý 1 năm 2022 tình hình Covid vẫn diễn biến phức tạp, doanh thu của VTVcab đã giảm 10,88% so với quý 1 năm 2021, mặc dù VTVcab đã tiết kiệm một số khoản chi phí như giá vốn giảm 13,55%, chi phí tài chính giảm 27,89% (chủ yếu là chi phí lãi vay, chi phí dự phòng đầu tư tài chính). Tuy nhiên, tổng lợi nhuận sau thuế quý 1 năm 2022 của VTVcab vẫn giảm 23,13% so với cùng kỳ năm 2021. ✓

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VP, TCKT

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



*Hoàng Ngọc Huân*